TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HS-PT
Ngày 25-5-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tâm;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Minh N cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Minh N; Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Minh N, sinh năm 1981 tại tỉnh BD; nơi cư trú: số nhà 18, khu phố 3, phường CPH, thị xã BC, tỉnh BD; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Phạm Thị C (chết); có vợ Nguyễn Thị Minh D (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/5/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn L O (tên gọi khác: L), sinh năm 1970 tại tỉnh CM; nơi thường trú: ấp RB, xã KB, huyện TVT, tỉnh CM; nơi cư trú: số 40, đường DC 3, phường MP 2, thị xã BC, tỉnh BD; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kỳ K và bà Lê Thị L1 (cả hai đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị L2 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam

từ ngày 02/5/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Cao Văn H, sinh năm 1999 tại tỉnh TH; nơi thường trú: thôn 5, xã QP, huyện QX, tỉnh TH; nơi cư trú: tổ 4, ấp HM, xã LN, huyện BB, tỉnh BD; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn K1; con bà Nguyễn Thị H1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/5/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Năng Tấn Đ, sinh năm 2000 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 57/3L PVC, phường 9, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: tổ 11, khu phố 3, phường MP, thị xã BC, tỉnh BD; nghề nghiệp: môi giới bất động sản; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Năng M; con bà Nguyễn Thị Đ1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/5/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đình T, sinh năm 1981 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: số 30 đường DA 1-2, khu phố 3, phường MP, thị xã BC, tỉnh BD; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C1; con bà Hoàng Thị Thái L3; bị cáo có vợ tên Tống Mỹ L4 (đã ly hôn), và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/5/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh N: Luật sư Đỗ Thanh Tuấn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/5/2021, Châu Thanh Q1, sinh năm 1982, ngụ khu phố 1A, phường CPH, thị xã BC, tỉnh BD vay của Trần Minh N số tiền 200.000.000 đồng, với mức lãi suất 5%/tháng. Sau đó, Q1 không trả tiền cho N, N nhiều lần liên lạc và tìm Q1 để đòi nợ nhưng không được. Ngày 21/11/2021, N đăng thông tin Q1 trốn nợ lên mạng xã hội Facebook và nhờ mọi người liên lạc với N nếu biết thông tin.

Đến ngày 14/01/2022, Lê Minh T1 biết N đang tìm kiếm Q1 qua mạng xã hội Facebook nên đã liên lạc với N và thông báo cho N biết Q1 đang ở nhà Trần Thị Hồng G, sinh năm 1998, ngụ ấp HĐ B, xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh là

người sống chung như vợ chồng với Q1. T1 gửi địa chỉ chỗ ở của Q1 qua mạng xã hội Zalo cho N biết và hẹn N qua huyện TB, tỉnh Tây Ninh thì T1 sẽ chỉ chỗ ở của Q1 để N đòi nợ.

Khoảng 19 giờ ngày 15/01/2022, N cùng với Cao Văn H, Nguyễn L O, Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Nguyễn Minh T3 đi xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Inova, biển số 61A-336.61 do Tú điều khiển. Xe ô tô được N thuê theo tháng của bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1973, ngụ khu phố 6, phường PH, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh BD đến xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Trên đường đi N liên lạc với T1 nhờ dẫn đường. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô, biển số 70E1 – 326.34 chở Nguyễn Hoài P1 đến cây xăng NT gần khu vực ngã ba đường ĐT 785 thuộc xã MC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh để đón nhóm của N. Tại đây, N, T, L O, Đ, T3, H cùng với T1, P1 bàn bạc trường hợp Q1 không trả nợ sẽ bắt Q1 mang đến chính quyền địa phương giải quyết. Sau đó, P1 chở T1 dẫn đường cho nhóm của N đến nơi ở của Q1, khi đến nơi thì P1 đá đèn xe cho nhóm của N biết và tiếp tục điều khiển xe chạy qua khỏi nhà nơi Q1 ở khoảng 100 mét thì dừng xe lại. Tại đây, T1 kêu P1 dẫn nhóm của N vào nhà Q1 ở, còn T thì điều khiển xe mô tô đi chỗ khác do T quen biết với G không tiện ra mặt. Sau đó, nhóm của N và P chia làm 02 nhóm đi đường trước và bọc phía sau nếu Q1 chạy thì bắt giữ lại. Khi vào nhà gặp Q1 nhưng Q1 không chịu trả nợ nên L O đã đánh Q1 thì gia đình G điện thoại báo cho Công an xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh đến giải quyết. Khi Công an xã HH đến giải thích cho nhóm của N việc nợ nần không thuộc địa bàn huyện TB nên yêu cầu nhóm của N trở về tỉnh BD và mời Q1 về trụ sở Công an xã để làm việc. Do sợ Q1 tiếp tục bỏ trốn nên nhóm của N đi xe ô tô theo đến Ủy ban nhân dân xã HH. Trên đường đi, N bàn bạc với nhóm là phải chờ Q1 làm việc xong thì bắt Q1 về tỉnh BD để ép trả nợ. Sau đó, N chia làm 02 nhóm để đón bắt Q1, nhóm thứ nhất gồm có N, P1, T3, Đ đứng chờ ở trường tiểu học HH gần cổng Ủy ban và nhóm còn lại gồm có T, L O, H đi xe ô tô chờ ở cây xăng hướng ngược lại. Trong lúc chờ Q1 thì P1 điện thoại thông báo cho T1 biết đang đứng chờ Q1 trước cổng Ủy ban xã và gọi T1 đến.

Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 16/01/2022, Q1 được Công an xã HH cho về, khi ra đến cổng Ủy ban Q1 sợ bị nhóm của N nên không dám về mà gọi điện cho gia đình đến đón Q1. Lúc này, P1 điều khiển xe mô tô của T1đi mua thuốc lá hút thì thấy anh Q1 đang đứng trước cổng Ủy ban nên Phong thông báo cho T1 và N biết. T1 nói với N "Bắt nó về bển đi rồi làm gì thì làm, chờ ở đây biết chừng nào" nên N đã điện thoại cho nhóm của T điều khiển xe ô tô quay lại chỗ cho nhóm N đang đứng để đón Đ, T3 lên xe rồi quay lại cổng Ủy ban để bắt anh Q1. Tại đây, L O, T, Đ xuống xe yêu cầu Q1 viết giấy trả nợ nhưng Q1 không đồng ý. Lúc này, P1 điều khiển xe mô tô đến cùng với L O, Đ, T khống chế, kẹp cổ, đánh và bắt anh Q1 lên xe ô tô để chở về phường CPH, thị xã BC, tỉnh BD để ép trả nợ. Sau khi bắt Q1 lên xe ô tô thì N cùng với những người đi với mình về tỉnh BD, còn T1 và P1 đi về nhà ở xã TV.

Trên đường đi từ huyện TB, tỉnh Tây Ninh về tỉnh BD thì N dùng lời lẽ đe dọa Q1 để Q1 sợ mà trả nợ. Khi đến khu vực Công an thị xã BC, tỉnh BD thì T3 xuống xe đi về nhà không đi theo nhóm của N. Những người còn lại tiếp tục đi đến khu đô thị Ecolakes thuộc khu phố 1, phường TH1, thị xã BC, tỉnh BD rồi dừng xe lại và buộc Q1 xuống xe. Tại đây, nhóm của N tiếp tục yêu cầu Q1 trả nợ nhưng Q1 nói không có tiền trả. Lúc này, Đ yêu cầu Q1 mở mật khẩu điện thoại đưa cho H kiểm tra. Sau khi H kiểm tra thì thấy trong tin nhắn của Q1 có 02 tài khoản ngân hàng Vietcombank, một tài khoản cá nhân của Q1 có 43.000.000 đồng, 01 tài khoản Công ty TNHH The Q1 Organization có 60.000.000 đồng. N yêu cầu Q1 phải chuyển số tiền 43.000.000 đồng vào tài khoản của N để trả nợ cho N, do sợ bị đánh nên Q1 đã chuyển số tiền 43.000.000 đồng trả nợ cho N. Lúc này, N hỏi số tiền 157.000.000 đồng còn lại khi nào trả thì Q1 hứa vào ngày 17/01/2022 sẽ trả nên N bắt Q1 phải viết giấy cam kết trả nợ. Đ lên xe ô tô lấy bút, giấy đưa cho Q1 viết, T cùng Đ đọc nội dung cho Q1 viết, H dùng điện thoại bật đèn rọi, L O yêu cầu Q1 lấy giấy chứng minh nhân dân ra để viết và yêu cầu Đ kiểm tra coi Q1 viết có đúng thông tin giấy chứng minh hay không. Sau khi viết giấy cam kết xong thì N hỏi Q1 tới ngày 17/01/2022 không trả tiền thì tính sao nên Q1 buộc phải đưa cho N 01 ba lô bên trong có 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell INSPRION, 02 con dấu của Công ty, 01 căn cước công dân, 01 sổ hộ khẩu để làm tin. Sau đó, nhóm của N cho Q1 đi về.

Ngày 21/01/2022, Châu Thanh Q1 đến Công an xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh tố giác hành vi phạm tội của nhóm Trần Minh N.

Quá trình điều tra Trần Minh N, Nguyễn L O, Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H, Nguyễn Hoài P1, Lê Minh T1, Nguyễn Minh T3 đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối với tội "Bắt người trái pháp luật".

Trần Minh N, Nguyễn L O, Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H đã thành khẩn khai báo; đã tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền 43.000.000 đồng chiếm đoạt để bồi thường, đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản".

* Kết luận định giá tài sản:

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 117 ngày 07/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã BC, tỉnh BD kết luận: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell INSPRION, có giá trị 6.625.000 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng: *có bản kê kèm theo.*

* Kê biên tài sản: Không.

* Phần trách nhiệm dân sự: Châu Thanh Q1 không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh N, Nguyễn L O (L), Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H, Lê Minh T1, Nguyễn Hòai P1 (Bập), Nguyễn Minh

T3 (Chó) phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"*. Các bị cáo Trần Minh N, Nguyễn L O, Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản*.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*";

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*";

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh N phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022;

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn L O (L) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn L O (L) 03 (ba) năm tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn L O (L) phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022;

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ 01 (một) năm tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*";

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 (một) năm tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 02 (hai) năm 06 (sáu) tù tháng về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

1.5 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn H 01 (một) năm tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tù tháng về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Cao Văn H phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt của các bị cáo Lê Minh T1; Nguyễn Hòai P1; Nguyễn Minh T3; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, các bị cáo Trần Minh N; Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T và Cao Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết các bị cáo chỉ cưỡng đoạt số tiền 43.000.000 đồng của anh Q1; Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng là không đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh N, Nguyễn L O; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H; giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, T, H mỗi bị cáo 06 tháng tù.

Luật sư Đỗ Thanh Tuấn trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Minh N: Luật sư thống nhất với tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo N. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự về tội *"cưỡng đoạt tài sản"* đối với bị cáo là chưa thỏa đáng; bởi bị cáo N sau khi kiểm tra điện thoại phát hiện bị hại Q1 có 02 tài khoản, 01 tài khoản cá nhân có 43.000.000 đồng và 01 tài khoản Công ty do bị hại là chủ tài khoản có hơn 60.000.000 đồng; nhưng bị cáo N chỉ yêu cầu anh Q1 chuyển trả cho bị cáo số tiền 43.000.000 đồng; số tiền nợ còn lại 157.000.000 đồng thì anh Q1 làm giấy cam kết hẹn trả nợ cho bị cáo. Nên hành vi của bị cáo chỉ cưỡng đoạt số tiền 43.000.0000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo N đã nộp cho Hội đồng xét xử các tài liệu chứng minh gia đình bị cáo N là gia đình có công với cách mạng; ông nội của bị cáo là ông

Trần Văn N1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bác ruột bị cáo Ong Trần Văn K2 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; bác ruột bị cáo Ong Trần Văn T4 là liệt sĩ. Bản thân Trần Minh N là người đã từng phục vụ trong lực lượng vũ trang, là công an nhân dân công tác tại Công an thị xã BC, tỉnh BD. Ngoài ra, bị cáo N đang mắc nhiều chứng bệnh: đái tháo đường không phụ thuộc ínuline; bệnh tim thiếu máu cục bộ mạn; tăng huyết áp vô căn, tăng lipid máu hỗn hợp, cần có thời gian điều trị; đây là những tình tiết giảm nhẹ mới kính mong Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo.

Với những tài liệu, tình tiết nêu trên; cùng với thái độ ăn năn hối cải của Trần Minh N trong quá trình chấp hành nội quy, quy chế của Nhà tạm giữ Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh từ khi bị tạm giữ, tạm giam đến nay, tôi kính đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xem xét giảm nhẹ mức hình phạt trong từng tội danh mà Bản án số 08/2023/HS-ST, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã tuyên đối với bị cáo Trần Minh N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Trần Minh N; Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T và Cao Văn H:

Các bị cáo đều rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để các bị cáo dược sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Minh N; Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T trong thời gian luật định, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Do bị hại Châu Thanh Q1 mượn của bị cáo Trần Minh N 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, nhưng không trả đúng hẹn còn cố tình né tránh và bỏ trốn khỏi địa phương. Nên sau khi biết thông tin bị hại đang cư trú ở khu vực ấp Hòa Bình, xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Trần Minh N đã cùng các bị cáo Nguyễn L O, Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H, Lê Minh T1, Nguyễn Hòai P1, Nguyễn Minh T3 có hành vi bắt anh Châu Thanh Q1 đưa lên xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Inova, biển số 61A-336.61 đưa về phường PH, thị xã BC, tỉnh BD để ép trả nợ vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 16/01/2022.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực Phường PH, thị xã BC, tỉnh BD, các bị cáo Trần Minh N, Nguyễn L O, Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H đã có những lời lẽ đe dọa và có hành vi cưỡng đoạt số tiền

43.000.000 đồng và 01 máy tính xách tay, có giá trị 6.625.000 đồng của anh Châu Thanh Q1.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3.1] Về tội danh "Bắt giữ người trái pháp luật"

Tại khu vực gần Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, các bị cáo N, O, Đ, H, T, T1, P1, T3 đều thống nhất bắt bị hại Q1 đem về BD để ép buộc Q1 thanh toán số nợ 200.000.000 đồng mà Q1 đã vay của bị cáo N mà không chịu trả. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo N, O, Đ, H, T, T1, P1, T3 về tội "*Bắt giữ người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Đối với tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

Sau khi bắt anh Q1 đưa lên xe, trên đường đi các bị cáo N, O, Đ, H, T có dùng lời lẽ đe dọa anh Q1 nhằm ép anh Q1 trả nợ cho bị cáo N. Khi đến khu đô thị mới Ecolakes, các bị cáo buộc anh Q1 xuống xe, đứng bao vây anh Q1 buộc anh Q1 trả nợ. Khi H kiểm tra trong tài khoản cá nhân của anh Q1 có số tiền 43.000.000 đồng thì cả nhóm khống chế buộc anh Q1 chuyển số tiền này cho N và ép anh Q1 ghi giấy nợ 157.000.000 đồng; sau đó lấy thêm và 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Dell INSPRION, có giá trị 6.625.000 đồng của anh Q1.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo N cho rằng bị cáo N và các bị cáo khác chỉ yêu cầu Q1 chuyển khoản số tiền 43.000.000 đồng trong tài khoản cá nhân của anh Q1, mà không yêu cầu anh Q1 chuyển khoản tài khoản Công ty do anh Q1 làm chủ với số tiền hơn 60.000.000 đồng trong tài khoản, nên hành vi của bị cáo N chỉ phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, về ý thức chủ quan, bị cáo N và các bị cáo O, Đ, H, T khi khống chế, bắt giữ bị hại và dùng những lời lẽ đe dọa để bị hại phải trả cho bị cáo N số tiền 200.000.000 đồng mà bị hại nợ bị cáo N; đây là tội phạm cấu thành hình thức nên hành vi phạm tội đã hoàn thành khi các bị cáo khống chế, đe dọa và mong muốn bị hại phải trả cho bị cáo N số tiền 200.000.000 đồng; nhưng do trong tài khoản cá nhân của bị hại Q1 chỉ có 43.000.000 đồng, các bị cáo mới buộc Q1 chuyển cho bị cáo N số tiền 43.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo N, O, Đ, H, T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" tại khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do thân thể của công dân; quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo gây ra. bị cáo N là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo O là người giúp sức tích cực cho bị cáo N, là người trực tiếp đánh bị hại Q1; nên bị cáo O phải chịu trách nhiệm hình sự cho hành vi phạm tội của bị cáo, sau bị cáo N. Các bị cáo Đ, H, T, T1,

T3, P1 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân hóa đúng hình phạt đối với các bị cáo.

5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Minh N; Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T; thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tính chất, mức độ, vai trò và hậu quả của tội phạm do các bị cáo gây ra; cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng.

[5.1] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: xuất phát từ việc vay mượn tiền của bị hại đối với bị cáo N; sau đó bị hại lại có hành vi lẩn tránh, bỏ trốn khỏi địa phương mà không trả nợ cho bị cáo. Trước khi bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N đã 02 lần nộp Đơn khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh BD để yêu cầu bị hại trả nợ; tuy nhiên, do bị hại Q1 không có mặt và bỏ trốn khỏi địa phương nên không thể yêu cầu Tòa án giải quyết được. Xét về mục đích, động cơ phạm tội bản thân bị cáo N chỉ mong muốn nhanh chóng lấy lại được số tiền bị hại đã mượn của bị cáo, nhưng không được nên bị cáo không tự chủ được hành vi, đã thiếu kiểm soát trong xử sự, dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Đây cũng có phần lỗi của bị hại Châu Thanh Q1.

[5.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo N cung cấp các tình tiết mới: bị cáo N có ông nội ông Trần Văn N1, là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bác ruột của ông Trần Văn K2, là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bác ruột ông Trần Văn T4, là liệt sĩ; bản thân Trần Minh N là người đã từng phục vụ trong lực lượng vũ trang, là công an nhân dân công tác tại Công an thị xã BC, tỉnh BD. Ngoài ra, bị cáo N đang mắc nhiều chứng bệnh: đái tháo đường không phụ thuộc ínuline; bệnh tim thiếu máu cục bộ; tăng huyết áp vô căn; tăng lipid máu hỗn hợp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét đối với bị cáo.

[5.3] Xét thấy, bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; hoàn cảnh xuất thân từ gia đình có công với cách mạng; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước tại địa phương. Nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo N.

[5.4] Đối với các bị cáo O, Đ, H, T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo N. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hành vi, tính chất, vai trò của các bị cáo khi phân hóa hình phạt; mức án đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng. Các bị cáo O, Đ, H, T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Minh N; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T; chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo N; quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên bị cáo N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn L O (L); Cao Văn H; Nguyễn Năng Tấn Đ; Nguyễn Đình T phải chịu án phí phúc thẩm cho yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Minh N.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn L O (L), Nguyễn Năng Tấn Đ, Cao Văn H, Nguyễn Đình T.

- Sửa Bản án hình sư sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Minh N, Nguyễn L O (L), Nguyễn Năng Tấn Đ, Nguyễn Đình T, Cao Văn H phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"* và tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*";

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh N 03 (ba) năm tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*";

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh N phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn L O (L) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn L O (L) 03 (ba) năm tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn L O (L) phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022;

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ 01 (một) năm tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*";

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Năng Tấn Đ phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 01 (một) năm tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 02 (hai) năm 06 (sáu) tù tháng về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

1.5 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn H 01 (một) năm tù về tội "*Bắt người trái pháp luật*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tù tháng về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Cao Văn H phải chấp hành chung cho hai tội "*Bắt người trái pháp luật*" và "*Cưỡng đoạt tài sản*" là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 02/5/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn L O (L), Nguyễn Năng Tấn Đ, Cao Văn H, Nguyễn Đình T mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo Trần Minh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Công an huyện TB;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA tỉnh;
- Lưu tập án HSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Sang